Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học, Tập 32, Số 1 (2016) 42-49

Xây dựng chế định pháp luật về công ty hợp vốn đơn giản ở Việt Nam

Nguyễn Vinh Hưng*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 12 tháng 01 năm 2016
Chỉnh sửa ngày 26 tháng 02 năm 2015; Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 3 năm 2015

Tóm tắt: là một trong những loại hình công ty lâu đời nhất, công ty hợp vốn đơn giản đến nay vẫn không ngừng phát triển và ngày càng khẳng định vị thế là một công ty ưu việt đối với các nhà kinh doanh. Thực tiễn kinh doanh đã chứng minh, công ty hợp vốn đơn giản rất gần gũi với người Á Đông. Bởi vì bản chất công ty này luôn đề cao mối quan hệ thân thiết giữa các thành viên. Mặt khác, ngay đối với các quốc gia ở châu Âu hay các quốc gia như Anh Mỹ - những nơi có truyền thống kinh doanh tư bản thực dụng thì công ty hợp vốn đơn giản vẫn có vị trí và tầm ảnh hưởng rất lớn.

Từ khóa: Công ty hợp vốn đơn giản, Công ty hợp danh, Luật Doanh nghiệp, Trách nhiệm vô hạn, Trách nhiệm hữu hạn

Tại Việt Nam, kể từ Luật Doanh nghiệp năm 1999, khi công ty hợp danh được pháp luật chính thức quy định trở lại thì dấu hiệu của công ty hợp vốn đơn giản mới manh nha xuất hiện. Theo một số nghiên cứu, nếu căn cứ các quy định về công ty hợp danh của Luật Doanh nghiệp năm 1999 và Luật Doanh nghiệp năm 2005, công ty hợp danh hiện đang bị gắn với một hình thức công ty khác là công ty hợp vốn đơn giản để cùng được gọi là "*công ty hợp danh*" [1]. Cũng từ đây, việc xác định hình thức pháp lý của công ty hợp danh chưa thật sự rõ ràng, chưa có sự tách bạch hai hình thức hợp danh là hợp danh thường và hợp danh hữu hạn [2]. Điều này được kéo dài cho đến Luật Doanh nghiệp 2014, khi vẫn tiếp tục duy trì tình trạng một công ty hợp danh mang cả các đặc điểm của công ty hợp vốn đơn giản. Qua đây, có thể khẳng định, chế định pháp luật của công ty hợp danh tại Luật Doanh nghiệp năm 2014 hiện nay chưa thật sự đầy đủ, chặt chẽ khi không có sự tách bạch rõ ràng công ty hợp danh và công ty hợp vốn đơn giản.

Nhận thức tầm quan trọng của việc xây dựng chế định pháp luật về công ty hợp vốn đơn giản tại Luật Doanh nghiệp sẽ mang lại nhiều giá trị không những về lý luận mà còn đóng góp rất lớn về mặt thực tiễn. Chính vì vậy, nghiên cứu về công ty hợp vốn đơn giản sẽ có thể đóng góp một phần trong việc xây dựng chế định pháp luật về công ty hợp vốn đơn giản tại Luật Doanh nghiệp của Việt Nam sau này.

1. Khái niệm của công ty hợp vốn đơn giản

Hoa Kỳ đang có sự tồn tại của khá nhiều loại hình hợp danh khác nhau. Nhưng về cơ

* ĐT.: 84-996199077
Email: mcsehanoi2009@gmail.com

bản, Hoa kỳ có hai loại hình hợp danh đang tồn tại là: *general partnership* (công ty hợp danh toàn diện) và *limited partnership* (công ty hợp danh hữu hạn) [3]. Trong đó, Luật về hợp danh hữu hạn (*Uniform Partnership Limited Act*) được ban hành năm 1916 và đã được sửa đổi bổ sung vào các năm 1976, 1985, 2001 đưa ra khái niệm về công ty hợp danh hữu hạn: "*Công ty hợp danh hữu hạn bao gồm hai hoặc nhiều người, trong đó phải có ít nhất một thành viên hợp danh và một thành viên góp vốn. Trong khi thành viên hợp danh có nghĩa vụ cá nhân không giới hạn, nghĩa vụ của thành viên góp vốn là giới hạn với số tiền đầu tư của mình trong công ty*" [4]. Tại Đức, công ty hợp vốn đơn giản khác công ty hợp danh ở điểm quan trọng chính là: "*trong công ty hợp vốn đơn giản chỉ cần ít nhất có một thành viên chịu trách nhiệm vô hạn (thành viên nhận vốn hay giống như thành viên hợp danh trong công ty hợp danh), còn những thành viên khác chịu trách nhiệm hữu hạn (thành viên góp vốn)*" [5].

Các định nghĩa đầu tiên về công ty hợp vốn đơn giản tại Việt Nam, theo tác giả Lê Tài Triển: "Trong công ty cấp vốn đơn giản, có hai hạng nhân viên: Một là những người được cấp vốn hay thụ cấp (commanditéé): những người này có tư cách là người buôn bán, có thể chỉ có một người hay nhiều người; nếu có nhiều người thì tình trạng của họ sẽ là tình trạng những hội viên một công ty đồng danh (công ty hợp danh); Hai là những người cấp vốn hay là chủ cấp (commanditaire): những người này bỏ tiền ra cho hội thành lập và hoạt động khác với hội viên, họ không có tư cách là nhà buôn và ngoài số tiền đã cấp cho hội; họ không phải chịu trách nhiệm gì nữa" [6]. Sau đó, công ty hợp vốn đơn giản còn được gọi là Hội hợp tư đơn thường: "Hội thành lập giữa một hay nhiều hội viên được gọi là hội viên thụ tư, cùng liên đới chịu trách nhiệm, và một hay nhiều hội viên khác, cấp vốn, được gọi là hội viên xuất tư những người này chỉ chịu trách nhiệm tới mức phần hùn của mình" [7].

Qua các khái niệm trên, có thể thấy điểm tương đồng giữa pháp luật của các quốc gia khi quy định về loại hình công ty hợp vốn đơn giản chính là công ty này luôn tồn tại hai loại hình thành viên. Các thành viên nhận vốn (ít nhất phải có một thành viên) là những người chịu trách nhiệm vô hạn và liên đới. Thành viên nhận vốn có tư cách thương nhân, là người đại diện và quản lý điều hành của công ty. Còn lại là các thành viên góp vốn (ít nhất phải có một thành viên) được hưởng chế độ chịu trách nhiệm hữu hạn về tài sản. Tuy nhiên, thành viên góp vốn không có tư cách thương nhân nên không thể đại diện cho công ty hợp vốn đơn giản trước các giao dịch với người thứ ba và không được tham gia quản lý điều hành công ty.

2. Bản chất pháp lý của công ty hợp vốn đơn giản

Là một thực thể kinh doanh, về cơ bản, công ty hợp vốn đơn giản có những bản chất pháp lý như mọi loại hình công ty khác. Công ty hợp vốn đơn giản có sự liên kết giữa nhiều cá nhân để cùng tiến hành các hoạt động thương mại vì mục tiêu lợi nhuận, các thành viên đóng góp bằng tài sản hoặc công sức… Bên cạnh đó, công ty hợp vốn đơn giản còn có những bản chất pháp lý riêng biệt:

Thứ nhất, pháp luật tại nhiều quốc gia vẫn thường công nhận công ty hợp vốn đơn giản là loại hình đặc trưng của công ty đối nhân. Điều này bởi lẽ, một số yếu tố của công ty đối nhân đã ảnh hưởng lên cách thức thành lập, tổ chức và vận hành của công ty hợp vốn đơn giản. Tuy nhiên, khi phân tích cho thấy "tính chất đối nhân" của công ty hợp vốn đơn giản không sâu sắc và tuyệt đối như công ty hợp danh. Bởi vì, ngoài các thành viên nhận vốn, công ty hợp vốn đơn giản còn có sự tồn tại của một loại hình thành viên là các thành viên góp vốn - những chủ thể được hưởng chế độ chịu trách nhiệm hữu hạn về mặt tài sản. Đây là sự khác biệt rất lớn, so với với chế độ chịu trách nhiệm vô hạn về mặt tài sản của các công ty đối nhân. Từ đó có thể nói, bản chất của công ty hợp vốn đơn giản, là một loại hình công ty trung gian giữa cả công ty đối nhân và công ty đối vốn, khi nó

luôn chứa đựng các yếu tố của cả hai loại hình công ty này. Đã có nghiên cứu cho rằng: "pháp luật doanh nghiệp chấp nhận dung nạp thành viên góp vốn trong cơ cấu, một đặc điểm xa lạ với tính chất đối nhân truyền thống của công ty hợp danh. Nói cách khác, sự xuất hiện của thành viên góp vốn làm giảm đi tính chất đối nhân" [8].

Thứ hai, công ty hợp vốn đơn giản là một công ty có hai loại thành viên khác nhau về địa vị pháp lý. Sự khác biệt này thể hiện qua khía cạnh quyền hạn và nghĩa vụ của từng loại thành viên. Thành viên nhận vốn có đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ như thành viên hợp danh của công ty hợp danh. Nghĩa là, quyền hạn của họ gần như không bị hạn chế tại công ty hợp vốn đơn giản. Họ mới chính là những nhân vật chính yếu, có quyền quyết định gần như mọi vấn đề của công ty hợp vốn đơn giản. Chiều hướng ngược lại, thành viên góp vốn gần như không có quyền hạn liên quan đến việc quản lý điều hành hay đại diện cho công ty hợp vốn đơn giản. Thành viên góp vốn chỉ là những nhân vật có vị trí thứ yếu tại công ty hợp vốn đơn giản.

Thứ ba, bản chất của công ty hợp vốn đơn giản còn thể hiện bởi sự ràng buộc trách nhiệm đến cùng của công ty với các thành viên nhận vốn. Suy cho cùng, các thành viên nhận vốn và công ty hợp vốn đơn giản luôn là một thể thống nhất trách nhiệm. Điều này xuất phát bởi lý do: đây vẫn là công ty mang bản chất của loại hình công ty đối nhân, nên vai trò của các thành viên nhận vốn chính là những người luôn giữ tư cách bảo lãnh liên đới cho mọi hoạt động của công ty. Cơ sở của điều này là khi phát sinh trách nhiệm, công ty phải chịu trách nhiệm trước các chủ nợ, còn thành viên nhận vốn thì luôn phải chịu trách nhiệm đến cùng với công ty.

Tóm lại, công ty hợp vốn đơn giản là công ty có hai loại hình thành viên với tư cách pháp lý khác nhau. Bởi vậy, công ty hợp vốn đơn giản chứa đựng hai yếu tố cơ bản - đó là đề cao mối quan hệ giữa các thành viên cũng như chế độ chịu trách nhiệm khác nhau về tài sản của từng loại thành viên.

3. Các đặc điểm của công ty hợp vốn đơn giản

Mỗi thực thể kinh doanh đều có những đặc điểm và chính nhờ vào các đặc điểm này mới có thể xác định ranh giới tồn tại của chúng so với các loại hình doanh nghiệp khác. Công ty hợp vốn đơn giản được phân biệt với các loại công ty khác nhờ vào các đặc điểm sau:

Thứ nhất, công ty hợp vốn đơn giản là công ty có tư cách pháp nhân. Pháp luật hầu hết các quốc gia đều quy định công ty hợp vốn đơn giản có một hệ thống quyền và nghĩa vụ. Điều đó có nghĩa là công ty hợp vốn đơn giản phải có khả năng hưởng quyền và gánh vác nghĩa vụ. Vì vậy, công ty hợp vốn đơn giản không thể là gì khác ngoài pháp nhân. Điều này đúng khi liên hệ giữa công ty hợp vốn đơn giản với công ty hợp danh. Nghiên cứu cho thấy, hiện nay nhiều nước đã thay đổi quan niệm và cho rằng công ty hợp danh có tư cách pháp nhân [9].

Thứ hai, tên gọi của công ty hợp vốn đơn giản thường phải bao gồm tên của một hoặc nhiều thành viên nhận vốn. Tuy nhiên, đối với thành viên góp vốn, pháp luật hầu hết các quốc gia đều không cho phép các thành viên góp vốn được dùng tên của họ làm thành tên hãng hoặc một phần của tên hãng của công ty hợp vốn đơn giản. Tên hãng của công ty hợp vốn đơn giản chỉ có thể là tên của một (hoặc một số) thành viên nhận vốn. Lý giải cho điều này: "Một hội hợp tư không thể đem tên hội viên xuất tư ghi vào hội danh, vì như vậy, sẽ làm cho người đệ tam lầm tưởng rằng những người này cũng là hội viên có trách nhiệm vô hạn định"; và tên của "hội hợp tư đơn thường gồm có tên các hội viên thụ tư với những chữ "và công ty" đứng sau, cũng như trường hợp công ty hợp danh. Hội viên xuất tư không được ghi tên vào hội danh" [10].

4. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của công ty hợp vốn đơn giản

Giống như các loại hình công ty khác, công ty hợp vốn đơn giản phải tuân thủ các nguyên

tắc bắt buộc chung (nguyên tắc tự do, tự nguyện tham gia và thành lập công ty; nguyên tắc công khai, minh bạch; nguyên tắc tuân thủ nghiêm minh pháp luật và điều lệ công ty trong tổ chức và hoạt động; nguyên tắc nhất trí; và nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm và cùng chia lợi nhuận). Ngoài ra, công ty hợp vốn đơn giản cũng có những nguyên tắc tổ chức và hoạt động riêng biệt:

Thứ nhất, nguyên tắc các thành viên nhận vốn phải cùng nhau liên đới, chịu trách nhiệm vô hạn và không bị hạn chế quyền hạn trong công ty hợp vốn đơn giản. Đây là nguyên tắc pháp định nên mang tính bắt buộc đối với công ty hợp vốn đơn giản và các thành viên nhận vốn.

Thứ hai, nguyên tắc việc chuyển nhượng phần vốn góp của thành viên nhận vốn phải được sự đồng ý của tất cả các thành viên nhận vốn khác. Theo tác giả Vũ Văn Mẫu: "Ở trong hội hợp danh (*société en nom collectif*) hay hội hợp tư (*société en commandite*), cá nhân của các hội viên được chú trọng đặc biệt các cổ phần thường không thể được chuyển nhượng cho người ngoài. Tất cả các hội viên ở hội hợp danh và các hội viên thụ tư ở hội hợp tư phải chịu trách nhiệm về các món nợ của công ty đối với cả tài sản của mình" [11]. Còn ở Pháp, luật pháp yêu cầu: "mọi chuyển nhượng, ngay cả giữa các hội viên cho nhau cũng phải được sự nhất trí hoàn toàn của tất cả hội viên. Nguyên tắc này áp dụng chung cho cả hội viên công ty hợp danh và hội viên xuất vốn ở công ty hợp tư đơn giản" [12].

Thứ ba, nguyên tắc các thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi số vốn đóng góp của họ tại công ty hợp vốn đơn giản. Việc thành viên góp vốn được hưởng cơ chế chịu trách nhiệm hữu hạn là nguyên tắc trái ngược với bản chất của loại hình công ty đối nhân. Bởi lẽ, khi tham gia vào một công ty thuộc loại hình công ty đối nhân, mọi thành viên đều phải chịu trách nhiệm đến cùng (vô hạn định) đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty. Thành viên góp vốn của công ty hợp vốn đơn giản có chế độ chịu trách nhiệm về tài sản giống như cổ đông của công ty cổ phần hay thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn.

Thứ tư, nguyên tắc thành viên góp vốn không được tham gia vào việc quản lý và điều hành cũng như đại diện cho công ty hợp vốn đơn giản giao dịch với bên ngoài. Vai trò của các thành viên góp vốn trong công ty hợp vốn đơn giản chỉ là người đóng góp thêm nguồn tài chính và chỉ phải chịu chế độ trách nhiệm hữu hạn về mặt tài sản. Mặt khác, đối tượng trở thành thành viên góp vốn khá dễ dàng vì họ có thể là các cá nhân, hoặc tổ chức. Nên nếu để các thành viên góp vốn được thực hiện các hành vi quản lý thì người thứ ba khi giao dịch với công ty có thể lầm tưởng rằng thành viên góp vốn chịu trách nhiệm liên đới và vô hạn về nợ của công ty hợp vốn đơn giản như là thành viên nhận vốn.

5. Cơ cấu tổ chức, quản trị điều hành và cơ chế đại diện của công ty hợp vốn đơn giản

Thứ nhất, về cơ cấu tổ chức của công ty hợp vốn đơn giản: tại Pháp, chế độ công ty hợp tư đơn giản dập theo khuôn mẫu công ty hợp danh, chính luật pháp cũng tuyên bố rằng những quy định đối với công ty hợp danh cũng áp dụng đối với công ty hợp tư đơn giản, trừ những quy định riêng biệt. Những quy định riêng biệt này chủ yếu liên quan đến vai trò người hội viên xuất vốn [13]. Còn pháp luật nước Đức quy định, đối với công ty hợp vốn đơn giản, nguyên tắc tổ chức tương tự công ty hợp danh [14]. Cơ cấu tổ chức của công ty hợp vốn đơn giản là sự rập khuôn của công ty hợp danh. Nhờ tính an toàn về mặt pháp lý khá cao, nên pháp luật hầu hết các quốc gia đều không muốn can thiệp quá sâu vào việc quy định cơ cấu tổ chức của công ty hợp vốn đơn giản. Những quy định pháp luật mang tính chất bắt buộc đối với công ty này luôn rất ít. Qua đó, nâng cao tính tự chủ và linh hoạt cho công ty.

Thứ hai, về quản trị điều hành công ty hợp vốn đơn giản: pháp luật hầu hết các quốc gia thường duy trì một qui chế tương đối mềm mỏng đối với việc quản trị công ty hợp vốn đơn

giản nhằm để bảo đảm cho công ty này hoạt động một cách linh hoạt và có hiệu quả. Nghiên cứu các quy định pháp luật về quản trị của công ty hợp danh hữu hạn tại một số quốc gia như Singapore, theo khoản 2, Điều 6, Luật Công ty hợp danh hữu hạn năm 2008 quy định: "Thành viên góp vốn không được tham gia quản trị trong công ty hợp danh hữu hạn. Nếu một thành viên góp vốn tham gia vào việc quản trị của công ty hợp danh hữu hạn, thì người này phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ của công ty hợp danh hữu hạn phát sinh trong khi tham gia quản trị như thể người này là một thành viên nhận vốn" [15]. Hay như ở Úc và NewZealand, thành viên góp vốn không có quyền tham gia trong việc quản lý điều hành của công ty hợp danh hữu hạn… và thành viên góp vốn sẽ bị mất tình trạng được hưởng chế độ trách nhiệm hữu hạn nếu họ tham gia vào việc quản lý điều hành công ty [16]. Chính vì vậy, việc quản trị điều hành công ty hợp vốn đơn giản (trong trường hợp công ty có nhiều thành viên nhận vốn) tương tự công ty hợp danh. Chỉ các thành viên nhận vốn mới có quyền quản trị điều hành công ty, còn các thành viên góp vốn không được tham gia quản trị công ty. Nếu công ty hợp vốn đơn giản chỉ có một thành viên nhận vốn, thì chính thành viên đó sẽ là người duy nhất quản lý điều hành công ty. Trong mọi trường hợp, thành viên góp vốn chỉ được tham gia những vấn đề nội bộ mà có liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của họ.

Thứ ba, về cơ chế đại diện của công ty hợp vốn đơn giản: pháp luật Hoa Kỳ quy định: "thành viên góp vốn không có quyền thực tế hoặc rõ ràng để đại diện cho công ty hợp danh hữu hạn. Chỉ các thành viên nhận vốn mới là những người quản lý và đại diện duy nhất" [17]. Hay Điều 68, Luật công ty hợp danh (sửa đổi năm 2006) của Trung Quốc: "một thành viên góp vốn không được thực hiện các công việc của hợp danh, cũng không được đại diện cho công ty hợp danh hữu hạn với bên ngoài" [18]. Còn Điều 195, Bộ luật Thương mại năm 1972: "Hội viên xuất tư không có tư cách thương gia". Căn cứ Bộ luật Thương mại năm 1972 thì chỉ các hội viên thụ tư mới có tư cách thương gia. Như vậy, đối với công ty hợp vốn đơn giản, người đại diện theo pháp luật của công ty này chính là các thành viên nhận vốn. Cơ chế đại diện theo pháp luật của công ty hợp vốn đơn giản là cơ chế nhiều người đại diện (tập thể cùng đại diện). Thành viên góp vốn hoàn toàn không có quyền đại diện cho công ty trước các giao dịch với người thứ ba vì họ không có tư cách thương nhân.

6. Chấm dứt tồn tại của công ty hợp vốn đơn giản

Công ty hợp vốn đơn giản có thể lựa chọn hai hình thức để chấm dứt sự tồn tại là: giải thể doanh nghiệp hoặc áp dụng các thủ tục phá sản doanh nghiệp. Tuy nhiên, do là một công ty đối nhân nên giữa các thành viên nhận vốn với công ty hợp vốn đơn giản luôn là một thể thống nhất trách nhiệm. Khi công ty hợp vốn đơn giản chấm dứt tồn tại thì rất có thể mang đến những ảnh hưởng cho các thành viên nhận vốn. Như vậy, khi xem xét việc chấm dứt tồn tại của công ty hợp vốn đơn giản cần xem xét dưới các góc độ:

Thứ nhất, hậu quả từ việc công ty hợp vốn đơn giản chấm dứt tồn tại đối với các thành viên:

Đối với các thành viên nhận vốn, đây là những nhân vật chính của công ty và là những người trực tiếp quản lý, điều hành và đại diện cho công ty. Thành viên nhận vốn còn là những người chịu trách nhiệm liên đới và vô hạn đối với tất cả các nghĩa vụ tài chính của công ty. Khi công ty chấm dứt tồn tại, bản thân những thành viên nhận vốn sẽ phải gánh chịu những hậu quả rất nặng nề. Trong đó, một số hậu quả đối với các thành viên nhận vốn như:

(i) Trường hợp nếu công ty hợp vốn đơn giản tiến hành thủ tục giải thể. Sau khi việc giải thể chấm dứt, nếu các thành viên nhận vốn đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của họ thì trách nhiệm của các thành viên nhận vốn sẽ chấm dứt. Pháp luật thường không đưa ra các hạn chế cho các thành viên nhận vốn. Thành viên nhận vốn có thể thành lập ngay công ty mới, sau khi

đã hoàn tất các thủ tục giải thể công ty hợp vốn đơn giản.

(ii) Trường hợp công ty hợp vốn đơn giản bị chấm dứt tồn tại theo thủ tục phá sản. Khác với thủ tục giải thể, khi tiến hành theo thủ tục phá sản sẽ để lại hậu quả nặng nề cho các thành viên nhận vốn. Với trách nhiệm liên đới và vô hạn, trách nhiệm tài sản của thành viên nhận vốn không chỉ giới hạn trong phạm vi số tài sản góp của họ tại công ty hợp vốn đơn giản mà nó còn bao gồm cả tài sản dân sự của các thành viên nhận vốn. Theo các quy định về sự khánh tận và hiệu lực khánh tận đối với hội hợp danh của Bộ luật Thương mại năm 1972: "Nếu là một hội hợp danh bị khánh tận, phải niêm phong không những tại trụ sở của hội mà còn cả tại tư gia của mỗi hội viên nữa" [19]. Còn căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 64 của Luật Phá sản năm 2014: "Trường hợp thành viên hợp danh có tài sản thuộc sở hữu chung thì phần tài sản của thành viên hợp danh đó được chia theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định của pháp luật có liên quan."

Đối với các thành viên góp vốn, Điều 303, Luật hợp danh hữu hạn năm 2001 của Hoa Kỳ quy định: "nghĩa vụ của hợp danh hữu hạn, cho dù phát sinh trong hợp đồng, sai lầm cá nhân, hoặc cách khác, đều không phải là nghĩa vụ của một thành viên góp vốn" [20]. Ngay từ khi bắt đầu tham gia vào công ty hợp vốn đơn giản với tư cách là thành viên góp vốn thì các thành viên này chỉ phải chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn góp của họ. Khi công ty bị giải thể hoặc phá sản, sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ, nếu tài sản của công ty vẫn còn thì thành viên góp vốn vẫn có quyền được nhận một phần giá trị tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ vốn đóng góp của họ.

Thứ hai, hậu quả từ việc công ty hợp vốn đơn giản chấm dứt tồn tại đối với bản thân công ty:

Khi công ty hợp vốn đơn giản chấm dứt tồn tại, thì tư cách chủ thể của công ty trong các quan hệ pháp luật sẽ kết thúc. Việc chấm dứt tồn tại còn có thể mang lại những hậu quả đối với bản thân công ty như sau:

(i) Các tài sản của công ty hợp vốn đơn giản sẽ bị mang ra thanh lý: Trong trường hợp công ty hợp vốn đơn giản chấm dứt tồn tại bằng thủ tục giải thể doanh nghiệp, thì Hội đồng thành viên của công ty có trách nhiệm đứng ra tiến hành thanh lý tài sản. Còn nếu công ty hợp vốn đơn giản bị mở thủ tục phá sản thì việc thanh lý tài sản của công ty sẽ do tổ thanh lý tài sản của Tòa án phụ trách. Quá trình thanh lý tài sản được tiến hành theo cách thức, các chủ nợ trước hết được thanh toán khoản nợ của họ trong số tài sản của công ty. Khi tài sản của công ty không đủ để thanh toán các khoản nợ thì các thành viên nhận vốn phải cùng nhau liên đới thanh toán nốt số nợ còn lại cho các chủ nợ.

(ii) Xác định trách nhiệm tài sản của các thành viên nhận vốn khi công ty hợp vốn đơn giản chấm dứt tồn tại: Tại Pháp, cách thức đòi nợ như sau: "Chủ nợ phải đòi công ty trước tiên, nhưng khi không đạt kết quả thì họ phải bám lấy các hội viên. Chủ nợ chỉ cần gửi một tống đạt qua chấp hành viên để buộc công ty phải trả nợ; nếu trong tám ngày không trả, họ có thể quay lại đòi các hội viên vì hội viên có trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm liên đới" [21]. Như vậy, các chủ nợ trước tiên phải yêu cầu công ty hợp vốn đơn giản thanh toán nợ và nếu còn thiếu, chủ nợ mới có quyền yêu cầu các thành viên nhận vốn phải thanh toán nốt số nợ còn lại. Để việc thanh toán cho các chủ nợ được nhanh chóng, có thể một thành viên nhận vốn đứng ra thay mặt cho tất cả các thành viên nhận vốn còn lại thực hiện việc trả toàn bộ các khoản nợ. Các thành viên nhận vốn còn lại của công ty sẽ được giải thoát khỏi trách nhiệm đối với chủ nợ đã nhận được phần thanh toán. Thành viên nhận vốn đứng ra trả nợ lúc đầu sẽ có quyền yêu cầu các thành viên nhận vốn còn lại phải hoàn trả phần nghĩa vụ tài sản của họ trong món nợ chung.

Tóm lại, công ty hợp vốn đơn giản là một loại hình công ty khá ưu việt đối với các nhà đầu tư. Mặt khác, nghiên cứu gần đây cho thấy, "có nhiều cơ sở để dự báo mô hình kinh doanh chủ yếu của người Việt Nam trong một tương

lai gần vẫn là doanh nghiệp vừa và nhỏ, sức mạnh của họ chủ yếu là niềm tin giữa những người trong gia đình, dòng họ, bạn bè" [22]. Còn trên thực tế hiện nay, doanh nghiệp của Việt Nam tuy phát triển tương đối nhanh nhưng chủ yếu vẫn chỉ là các doanh nghiệp với quy mô vừa, nhỏ. Đến khi phân tích truyền thống kinh doanh thương mại cũng như các điều kiện kinh tế - xã hội tại Việt Nam, có thể khẳng định rằng, công ty hợp vốn đơn giản rất phù hợp với các điều kiện kể trên. Chính vì vậy, nên quy định công ty hợp vốn đơn giản là một loại hình công ty nằm trong Luật Doanh nghiệp để đáp ứng nhu cầu đầu tư, kinh doanh ngày càng cao tại Việt Nam./.

Tài liệu tham khảo:

[1] Ngô Huy Cương, "Khái niệm công ty hợp danh tại Luật doanh nghiệp năm 2005", http://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2009/06/24/3157/ (2009).

[2] Đào Lộc Bình, "Đề xuất vấn đề cần sửa đổi Luật doanh nghiệp năm 2005", Tạp chí Nghề Luật, số 3 (2012), 24.

[3] Phan Xuân Ba, Phan Xuân Thảo, "Everyday American Law - pháp luật phổ thông Hoa Kỳ", Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh (2012), 145.

[4] Quickmba, "Partnership Limited", http://www.quickmba.com/law/partnership/limited/ (2015).

[5] Friedrich Fubler, Jurgen Simon, "Mấy vấn đề pháp luật kinh tế cộng hòa liên bang Đức", Nhà xuất bản pháp lý (1992), 31.

[6] Lê Tài Triển, "Luật Thương mại toát yếu", Quyển thứ 2, Bộ quốc gia giáo dục xuất bản (1959), 50.

[7] Lê Tài Triển, Nguyễn Vạng Thọ, Nguyễn Tân, "Luật Thương mại Việt Nam dẫn giải", Nhà xuất bản Sài Gòn Kim lai ấn quán, Quyển II (1973), 800.

[8] Lê Thanh Phong, "Tìm hiểu về công ty hợp danh trong pháp luật Việt Nam và Cộng hòa Pháp", Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 10 (2004), 34 - 37.

[9] Nguyễn Vinh Hưng, "Công ty hợp danh có hay không tư cách pháp nhân?", Tạp chí Dân chủ và pháp luật, số 7 (2011), 29 - 31.

[10] Lê Tài Triển, Nguyễn Vạng Thọ, Nguyễn Tân, "Luật Thương mại Việt Nam dẫn giải", Quyển II (1973) sđd, 769, 801.

[11] Vũ Văn Mẫu, "Dân luật khái luận", Bộ quốc gia giáo dục xuất bản (1961), 413.

[12] Maurice Cozian, Alian Viandier, "Tổ chức công ty, dịch từ nguyên bản tiếng Pháp "Droit des societes: Litec. 1988", Viện khoa học pháp lý - Bộ tư pháp (1990), 168.

[13] Maurice Cozian, Alian Viandier, "Tổ chức công ty, dịch từ nguyên bản tiếng Pháp "Droit des societes: Litec. 1988", sđd, 191.

[14] Friedrich Fubler, Jurgen Simon, "Mấy vấn đề pháp luật Kinh tế Cộng hòa Liên bang Đức", sđd, 35.

[15] Singapore, "Limited Partnerships Act 2008".

[16] Higgins, Fletcher, "The Law of Partnership in Australia and New Zealand", sixth edition, The law book company limited (1991) 72-75

[17] Lawrence S. Clark, Robert J. Allberts, Peter D. Kinder, "Law and business the regulatory environment", fourth edition, McGraw-Hill, Inc (1994), 400.

[18] China, "Partnership Enterprise Law of the People`s Republic of China (Amended in 2006)".

[19] Bộ Luật Thương mại năm 1972.

[20] USA, "Uniform Limited Partnership Act 2001".

[21] Maurice Cozian, Alian Viandier, "Tổ chức công ty, dịch từ nguyên bản tiếng Pháp "Droit des societes: Litec, 1988", sđd, 184.

[22] Phạm Duy Nghĩa, "Chuyên khảo Luật Kinh tế", Nhà xuất bản Đại học Quốc gia (2004), 338.

Building of Legal Institutions for Limited Partnership in Vietnam

Nguyễn Vinh Hưng

VNU School of Law, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam

Abstract: Being one of the oldest forms of corporation, limited partnership has never stopped evolving and remains popular among entrepreneurs. One of the reasons for it, is perhaps the fact that limited partnerships is very suitable to the Asian commercial practices. It derives from the fact that this form of corporation reinforces a close relationship between its members. Furthermore, even in developed countries such as America, UK or European as a whole – where the capitalist tradition has taken a deep root, limited partnerships still has a large role and significant influence.

Keywords: Limited Partnership, General Partnership, Enterprise Law, Unlimited liability, Limited Liability